

Bản án số: 15/2018/HNGĐ-ST
Ngày 29-5-2018.
V/v “Tranh chấp kiện ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ – TỈNH HÀ NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Oanh.

Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Văn Chi và bà Nguyễn Thị Chương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Lập – Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2018, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 45/2018/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp kiện xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Minh H, sinh năm 1972.

Nơi ĐKKHKT: Tổ 7, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

Địa chỉ: Số nhà 257, đường L, phường M, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

*** Bị đơn:** Ông Nguyễn Anh T, sinh năm 1960.

Nơi ĐKKHKT: Tổ 7, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

Địa chỉ: Số nhà 179, đường L, tổ 9, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

(Phiên tòa có mặt ông T; bà H vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, các lời khai của các đương sự và các tài liệu chứng cứ được thu thập trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án như sau:

Bà Nguyễn Thị Minh H và ông Nguyễn Anh T kết hôn hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 22/01/1990 tại UBND phường M, thành phố P, tỉnh Hà Nam. Khi cưới gia đình hai bên có tổ chức cưới xin theo phong tục tập quán của địa phương.

- Quan điểm của bà Nguyễn Thị Minh H: Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do cách sống, quan điểm sống của hai

bên không hợp nhau, bất đồng trong việc làm ăn kinh tế. Thời điểm đó bà đi xuất khẩu lao động có gửi tiền cho ông T để lo gia đình và nuôi dạy con cái nhưng ông T không dùng tiền vào mục đích gia đình mà vẫn nợ nần chồng chất. Khi bà về nước thấy các con nợ đến đòi, bà có hỏi chuyện nhưng ông T không thành thật còn chửi bới đánh lại. Ông T đi làm quanh năm nhưng không đưa bà đồng nào để vun vén xây dựng gia đình. Gia đình hai bên và bạn bè đã hòa giải nhưng ông T vẫn cứng đầu bất chấp. Mâu thuẫn trầm trọng kéo dài không hàn gắn được nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Thời gian ly thân vợ chồng không quan tâm đến nhau và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn với ông Nguyễn Anh T.

- Quan điểm của ông Nguyễn Anh T: Về thời gian, địa điểm, điều kiện kết hôn như bà H khai là đúng. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn không như bà H khai, mà là do bà H có quan hệ thục tình với người khác, chính ông là người bắt được lá thư, có đêm có cuộc gọi điện hay nhắn tin đến thì bà H cũng đi ngay, từ đó bà H không cho ông sinh hoạt vợ chồng nữa. Trong cuộc sống, vợ chồng ông cũng hay cãi chửi nhau và cũng có nhiều lần xô sát với nhau, có lần bà H còn lấy cánh cửa phang ông và ông cũng có hai lần tát bà H. Gia đình và chính quyền địa phương đã hòa giải cho vợ chồng nhưng không được. Năm 2014 bà H thuê nhà ra ở riêng, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay ông xác định tình cảm của ông dành cho bà H vẫn còn nên ông xin được đoàn tụ.

Về con chung: Bà H và ông T cùng thống nhất: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Việt D (con trai), sinh ngày 07/6/1991 và Nguyễn Thị Huyền T (con gái), sinh ngày 01/6/1996. Hiện nay cả hai con chung đều đã trưởng thành lao động tự lập được nên ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Con nuôi, con riêng: Vợ chồng không có.

Về tài sản chung và công nợ chung: Bà H và ông T cùng thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên toà hôm nay:

- Bà H có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trước đó tại Tòa án.

- Ông T có quan điểm: Việc bà H khai ông cờ bạc nợ nần phá tán tài sản là vu khống, sai sự thật. Bà H đi lao động từ năm 2003 – 2005 tại Malaixia về từ đó lạnh nhạt với ông, ông càng níu kéo thì bà H càng coi thường, chửi bới ông. Nay ông xin được đoàn tụ với bà H, ông chỉ chấp nhận ly hôn khi bà H trả ông 150.000.000đ là tiền mà ông đã cầm nhà tại Ngân hàng giao tiền cho bà H để bà H cho anh trai bà H vay.

* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), những người tham gia tố tụng; ý kiến về việc giải quyết vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn như: thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

- Việc tuân theo pháp luật của HĐXX và Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay HĐXX và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, cụ thể: Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 04/5/2018 bà Huệ vắng mặt không lý do. Vì vậy đã không thực hiện đúng quy định tại khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Sau khi trình bày và phân tích các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét quan điểm, nguyện vọng của đương sự tại phiên tòa. Đề nghị HĐXX xem xét, quyết định:

Căn cứ điều 28, 35, 39, 144, 147, 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ điều 54, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà H với ông T. Xử lý hôn giữa bà Nguyễn Thị Minh H và ông Nguyễn Anh T.

2/ Về con chung, con nuôi, con riêng, tài sản chung và công nợ chung: Bà H và ông T không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đề cập.

3/ Việc ông T yêu cầu bà H trả lại ông 150.000.000đ sẽ được giải quyết ở vụ án khác theo trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

4/ Án phí ly hôn sơ thẩm: Bà H phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án. HĐXX, thấy:

* Về thẩm quyền: Xét thấy yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Minh H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

* Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Minh H là nguyên đơn trong vụ kiện đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó việc xét xử vắng mặt nguyên đơn tại phiên tòa là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

* Về nội dung:

[1] Cuộc hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Minh H và ông Nguyễn Anh T là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 22/01/1990 tại UBND phường M, thành phố P, tỉnh Hà Nam, nên đã thỏa mãn các điều kiện, trình tự thủ tục kết hôn được Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 bảo vệ.

[2] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Minh H, HĐXX thấy:

Sau kết hôn, vợ chồng bà H ông T đã có một thời gian dài chung sống hạnh phúc và vợ chồng đã có hai con chung, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Mặc dù nguyên nhân mâu thuẫn mà hai bên đưa ra không hoàn toàn giống nhau, nhưng việc vợ chồng bất đồng quan điểm sâu sắc về cách làm ăn kinh tế, vợ chồng có xô sát đánh nhau và vợ chồng sống lạnh nhạt xa cách từ năm 2008 đến nay là có thật được ông bà công khai thừa nhận. Mâu thuẫn không thể giải quyết được nên từ năm 2014 đến nay vợ chồng đã sống ly thân nhau. Quá trình sống ly thân vợ chồng không quan tâm chăm sóc đến nhau và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm.

Tại phiên hòa giải, Tòa án đã phân tích nhưng bà H vẫn kiên quyết đề nghị được ly hôn với ông T. Xét thấy mâu thuẫn giữa bà H và ông T kéo dài thực sự trầm trọng thực tế là đúng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể đoàn tụ được nên xử cho bà H ly hôn với ông T là phù hợp với quy định tại điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Vợ chồng thống nhất có 02 con chung là Nguyễn Việt D (con trai), sinh ngày 07/6/1991 và Nguyễn Thị Huyền T (con gái), sinh ngày 01/6/1996. Hiện nay cả hai con chung đã trưởng thành, lao động tự lập được nên bà H và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó HĐXX không xem xét.

[4] Con nuôi, con riêng vợ chồng thống nhất không có, không đề nghị giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về tài sản chung và công nợ chung: Bà H và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Ông T đưa ra yêu cầu đòi bà H trả 150.000.000đ nhưng yêu cầu đưa ra tại phiên tòa sơ thẩm nên căn cứ Điều 200 Bộ luật Tố tụng dân sự thì yêu cầu của ông T không được HĐXX xem xét giải quyết trong cùng vụ án này mà được xem xét bằng vụ án khác khi có đơn khởi kiện và tài liệu chứng cứ xuất trình tại Tòa án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Về án phí ly hôn sơ thẩm và quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Các Điều 143; 144; 147; 200; 227; 228; 271; 273; 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 54, 56, 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.
- Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội.
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Xử lý hôn giữa bà Nguyễn Thị Minh H và ông Nguyễn Anh T.

2/ Về con chung, con nuôi, con riêng, tài sản chung, công nợ chung: Bà H và ông T không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

3/ Yêu cầu đòi bà H trả 150.000.000đ của ông T được xem xét, giải quyết theo quy định của Bộ luật tố Tụng dân sự năm 2015 nếu có đơn khởi kiện và tài liệu chứng cứ kèm theo bằng vụ án khác.

4/ Án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Minh H phải nộp 300.000đ. Bà H được đối trừ với 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2015/0000890 ngày 08/3/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Bà H đã nộp đủ.

Án xử công khai sơ thẩm, ông T có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà H vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- Chi cục THA dân sự thành phố Phủ Lý;
- UBND phường M, TP Phủ L, tỉnh Hà Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Mai Oanh

